

Bản án số: **125/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày: 29/9/2023  
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Quang;
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BÐ, tỉnh BT.

**- Bị đơn:** Ông **Trịnh Hoàng T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BÐ, tỉnh BT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/4/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Hoàng T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BÐ, tỉnh BT vào ngày 19/8/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cãi vã. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Nay, bà thấy tình

cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn được với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Hoàng T.

- Về con chung: Quá trình sống chung, bà và ông Trịnh Hoàng T có 01 con chung tên Trịnh HT, sinh ngày 17/8/1997. Khi ly hôn, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện BD đã tổng đạt hợp lệ cho ông Trịnh Hoàng T các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Trịnh Hoàng T.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

***[1] Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện bị đơn ông Trịnh Hoàng T. Ông Trịnh Hoàng T có hộ khẩu thường trú tại ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BD, tỉnh BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 21/8/2023. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

***[2] Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Phạm Thị H và ông Trịnh Hoàng T cưới nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BD, tỉnh BT theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T được công nhận là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống bà H và ông T sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nên đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời ông T để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không đến

dự. Điều đó, cho thấy ông T không còn muốn hàn gắn đối với mối quan hệ hôn nhân với bà H, chứng tỏ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị H.

*[3] Về con chung:* Bà Phạm Thị H và ông Trịnh Hoàng T có 01 con chung tên Trịnh HT, sinh ngày 17/8/1997. Khi ly hôn, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

*[4] Về tài sản chung; nợ chung:* Bà Phạm Thị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

*[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Trịnh Hoàng T. Cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trịnh Hoàng T.

*2. Về con chung:* Bà Phạm Thị H và ông Trịnh Hoàng T có 01 con chung tên Trịnh HT, sinh ngày 17/8/1997. Khi ly hôn, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

*3. Về tài sản chung; nợ chung:* Bà Phạm Thị H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

*4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002250 ngày

03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD. Vậy, bà Phạm Thị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị H, ông Trịnh Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BT (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- UBND xã TL (Số 22 ngày 19/8/2002);
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Loan**

2. *Về con chung; tài sản chung; nợ chung:* Bà Phạm Thị H khai không có, nên không xét đến.

3. *Về án phí:*

*Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010382 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD. Vậy, bà Phạm Thị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị H, ông Trịnh Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Minh Quang**

**Đào Thị Tuyết Mai**

**Võ Thị Loan**